

ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TrTCHT, ngày /10/2026 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng đào tạo	Học phí/01 học viên - theo QĐ số 1213 Ngày 23/09/2026	Mức tăng (đồng)	Học phí mới/01 học viên theo Quyết định này
I	Hạng B - Số tự động			
1	Khóa 53 - 54	19.740.000	55.000	19.795.000
2	Khóa 55 - 56	19.760.000	175.000	19.935.000
3	Khóa 57	19.760.000	185.000	19.945.000
II	Hạng B - Số cơ khí			
1	Khoá 22	19.745.000		19.745.000
2	Khoá 23	19.710.000		19.710.000
3	Khoá 24	19.805.000	145.000	19.950.000
4	Khóa 25	19.805.000	185.000	19.990.000
III	Hạng C1			
1	Khóa 13	23.445.000		23.445.000
2	Khóa 14	23.565.000		23.565.000
3	Khóa 15	23.695.000		23.695.000
4	Khóa 16	23.705.000		23.705.000
IV	Đối với các khoá lưu ban			
1	Khóa 15 - 26B (STĐ)	18.005.000		Căn cứ vào số lượng nhiên liệu chưa cấp và đề nghị từ trung tâm để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên
2	Khóa 27 - 28B (STĐ)	17.920.000		
3	Khóa 29 - 32B (STĐ)	17.875.000		
4	Khóa 33 - 34B (STĐ)	19.560.000		
5	Khóa 35 - 36B (STĐ)	19.835.000		
6	Khóa 37 - 38B (STĐ)	19.530.000		
7	Khóa 39 - 42B (STĐ)	19.505.000		
8	Khóa 43 - 44B (STĐ)	19.405.000		
9	Khóa 45B (STĐ)	19.200.000		

10	Khóa 46 - 47B (STĐ)	19.170.000		Căn cứ vào số lượng nhiên liệu chưa cấp và đề nghị từ trung tâm để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên
11	Khóa 48B (STĐ)	19.335.000		
12	Khóa 49B (STĐ)	19.350.000		
13	Khóa 50B (STĐ)	19.425.000		
14	Khóa 51B - 52B (STĐ)	19.495.000		
15	Khóa 06B - 10B (SCK)	18.320.000		
16	Khóa 11B (SCK)	18.200.000		
17	Khóa 12B (SCK)	18.190.000		
18	Khóa 13B (SCK)	19.710.000		
19	Khóa 14B (SCK)	19.870.000		
20	Khóa 15B - 16B (SCK)	19.550.000		
21	Khóa 17B (SCK)	19.320.000		
22	Khóa 18B (SCK)	19.230.000		
23	Khóa 19B (SCK)	19.290.000		
24	Khóa 20B (SCK)	19.395.000		
25	Khóa 21B (SCK)	19.470.000		
26	Khóa 01C1	20.730.000		
27	Khóa 02C1	20.645.000		
28	Khóa 03C1	20.545.000		
29	Khóa 04C1	20.525.000		
30	Khóa 05C1	21.125.000		
31	Khóa 06C1	23.735.000		
32	Khóa 07C1	23.925.000		
33	Khóa 08C1	23.600.000		
34	Khóa 09C1	23.335.000		
35	Khóa 10C1	22.985.000		
36	Khóa 11C1	22.850.000		
37	Khóa 12C1	23.165.000		

Lưu ý:

1. Đối với học viên các khóa lưu ban đã đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các khóa trước đó nhưng vắng thi hoặc thi trượt thì được giữ nguyên mức học phí đến thời điểm dự thi.

2. Đối với học viên lưu ban các khoá thì căn cứ vào số lượng xăng, dầu chưa cấp và giá nhiên liệu theo quyết định tại thời điểm cấp để tính phân thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên.